

Số: 11/2026/TTLT-BCA-
TANDTC-VKSNDTC-BQP-BTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định về việc phối hợp tra cứu xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý
lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 107/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15, Luật số 103/2025/QH15, Luật số 105/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15 và Luật số 128/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 216/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp tra cứu xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về nguyên tắc, đơn vị đầu mối phối hợp tra cứu xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, thực hiện dịch vụ

cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và phục vụ công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với:

- a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp;
- b) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân;
- c) Cơ quan thi hành án dân sự;
- d) Các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tra cứu xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Thông tin lý lịch tư pháp, thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về đơn vị Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân để quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; pháp luật về lưu trữ.

3. Thông tin lý lịch tư pháp, thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội do đơn vị Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân cung cấp phải được quản lý, sử dụng phục vụ công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự và các mục đích khác theo quy định của Thông tư liên tịch này và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Đơn vị đầu mối tra cứu xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội

1. Đơn vị đầu mối có trách nhiệm trực tiếp thực hiện việc tra cứu xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội tại Tòa án:

- a) Tòa án nhân dân tối cao giao cho Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao;
- b) Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh) giao cho Văn phòng Tòa án nhân dân cấp tỉnh;
- c) Tòa án nhân dân khu vực giao cho Văn phòng Tòa án nhân dân khu vực.

2. Đơn vị đầu mối có trách nhiệm trực tiếp thực hiện việc tra cứu xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội tại Viện kiểm sát:

- a) Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao cho Cục Thống kê tội phạm và Chuyển đổi số;
- b) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh) giao cho Văn phòng;
- c) Viện kiểm sát nhân dân khu vực giao cho bộ phận phụ trách Văn phòng;
- d) Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao cho Văn phòng Cơ quan điều tra.

3. Đơn vị đầu mối có trách nhiệm trực tiếp thực hiện việc tra cứu xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin liên quan đến người phạm tội tại cơ quan Công an:

a) Cấp Bộ: Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an; Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an;

b) Cấp tỉnh: Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh;

c) Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh.

4. Đơn vị đầu mối tra cứu xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội tại Bộ Quốc phòng:

a) Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân giao cho Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng và Cục Bảo vệ an ninh Quân đội;

b) Viện kiểm sát quân sự giao cho Văn phòng cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự Trung ương;

c) Tòa án quân sự giao cho Tòa án quân sự Trung ương.

5. Đơn vị đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố giao cho Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án và Phòng Thi hành án dân sự khu vực.

Điều 4. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin

1. Việc trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội được thực hiện thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành với Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Việc trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội bằng văn bản giấy chỉ được thực hiện khi các hệ thống chưa đáp ứng điều kiện kết nối.

Chương II

CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP, THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI PHẠM TỘI

Điều 5. Thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội do Tòa án nhân dân cung cấp

1. Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án, ra các quyết định, cấp giấy chứng nhận, văn bản liên quan đến thông tin lý lịch tư pháp cung cấp cho Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi Tòa án có trụ sở, gồm:

a) Thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Luật Lý lịch tư pháp;

b) Quyết định tiếp nhận phạm nhân là công dân Việt Nam phạm tội và bị kết án phạt tù ở nước ngoài được chuyển giao về Việt Nam để chấp hành án;

c) Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

d) Chứng nhận đặc xá trong trường hợp người bị kết án được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

2. Tòa án đã xét xử sơ thẩm cung cấp thông tin liên quan đến người phạm tội quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp cho Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi Tòa án có trụ sở.

Điều 6. Thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội do Tòa án quân sự cung cấp

1. Thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án cung cấp cho Tòa án quân sự Trung ương gồm:

a) Tòa án quân sự xét xử vụ án hoặc ra quyết định hoặc nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều 15 Luật Lý lịch tư pháp;

b) Viện kiểm sát quân sự cung cấp quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm;

c) Trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng; cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu cung cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện, chứng nhận đặc xá, đại xá;

d) Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu cung cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, chứng nhận chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

đ) Phòng thi hành án cấp quân khu cung cấp quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); xác nhận kết quả thi hành án (nếu có). Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì phòng thi hành án cấp quân khu thông báo bằng văn bản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này).

2. Tòa án quân sự cung cấp thông tin liên quan đến người phạm tội quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp cho Tòa án quân sự Trung ương.

3. Tòa án quân sự Trung ương cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án và thông tin liên quan đến người phạm tội quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an.

Điều 7. Thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội do Viện kiểm sát cung cấp

1. Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp trích lục bản án, trích lục án tích của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp; Vụ Công tố và Kiểm sát xét xử hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp vụ án do Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm cung cấp quyết định đó cho Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi Viện kiểm sát đó có trụ sở.

3. Viện kiểm sát đã ra các quyết định liên quan đến người phạm tội cung cấp quyết định khởi tố bị can, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can cho đơn vị Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân.

a) Viện kiểm sát quân sự cung cấp thông tin cho Viện kiểm sát quân sự Trung ương.

b) Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự Trung ương cung cấp thông tin cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an.

c) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực cung cấp thông tin cho Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi Viện kiểm sát có trụ sở.

4. Đối với những vụ án do Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư khởi tố, điều tra và kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền đề nghị truy tố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 164 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát nhân dân cung cấp những thông tin, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch này.

Điều 8. Thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan thi hành án dân sự cung cấp

1. Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); xác nhận kết quả thi hành án (nếu có) của người bị kết án trong bản án hình sự.

2. Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố thông báo bằng văn bản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này).

3. Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố cung cấp thông tin lý lịch tư pháp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cho Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án có trụ sở.

Điều 9. Thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội do trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an và trại tạm giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cung cấp

1. Trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an cung cấp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, chứng nhận đặc xá, đại xá, chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định truy nã, quyết định đình nã; thông báo về việc thi hành quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam; quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài; thông báo về quyết định miễn, giảm hình phạt, đặc xá, đại xá của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam.

2. Trại tạm giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cung cấp cho Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi trại tạm giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có trụ sở chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, chứng nhận đặc xá, đại xá, chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện, chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, chứng nhận chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp theo thẩm quyền, quyết định hoặc văn bản thông báo về việc thi hành án phạt trục xuất, quyết định truy nã, đình nã; thông báo về việc thi hành quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam; quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài; thông báo về quyết định miễn, giảm hình phạt, đặc xá, đại xá của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam.

Điều 10. Thông tin liên quan đến người phạm tội do Cơ quan điều tra cung cấp

1. Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân cung cấp thông tin quy định từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp cho đơn vị Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân.

2. Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này cho Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng hoặc Cục Bảo vệ an ninh Quân đội.

3. Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng, Cục Bảo vệ an ninh Quân đội cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an.

4. Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này cho Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi cơ quan điều tra có trụ sở.

Điều 11. Thông tin liên quan đến người phạm tội do Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh cung cấp

1. Thông tin liên quan đến người phạm tội do Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh cung cấp gồm:

- a) Bản sao danh bản, chỉ bản, ảnh người phạm tội;
- b) Trích lục tiền án, tiền sự;
- c) Thông báo kết quả xác minh thông tin tiền án, tiền sự; bản sao tài liệu lưu trữ phục vụ xác minh nhân thân, lý lịch đối tượng;
- d) Những thông tin đã được cơ quan tiến hành tố tụng thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp Quân khu cung cấp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh quy định tại Điều 5, Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch này.

2. Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này cho Cơ quan điều tra, các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh cung cấp thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này cho Cơ quan điều tra, các đơn vị nghiệp vụ thuộc Công an cấp tỉnh, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

Điều 12. Thời hạn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội

1. Thời hạn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội quy định tại các điều 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Thông tư liên tịch này như sau:

a) Trường hợp cung cấp thông tin theo khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch này, phải hoàn thành trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được thông tin, tài liệu hoặc kể từ ngày cấp chứng nhận, xác nhận, văn bản thông báo;

b) Trường hợp cung cấp thông tin theo khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch này, phải hoàn thành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được thông tin, tài liệu hoặc kể từ ngày ra quyết định, cấp chứng nhận, xác nhận, văn bản thông báo.

2. Thời hạn cung cấp thông tin liên quan đến người phạm tội quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch này là 05 ngày làm việc đối với yêu cầu không phải xác minh; không quá 10 ngày làm việc đối với yêu cầu phải xác minh.

3. Đối với yêu cầu đọc, nghiên cứu tại chỗ thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh làm thủ tục cung cấp ngay.

4. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin, Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh phải trả lời ngay bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Thủ trưởng đơn vị Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân duyệt, ký, đóng dấu cơ quan; duyệt, ký sổ của người có thẩm quyền và ký sổ của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật vào văn bản trả lời và bản sao tài liệu (nếu có), cung cấp cho cơ quan, đơn vị gửi yêu cầu để bảo đảm giá trị pháp lý.

Chương III

TRA CỨU XÁC MINH, PHỐI HỢP RÀ SOÁT, TRAO ĐỔI, ĐÍNH CHÍNH THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP, THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI PHẠM TỘI

Điều 13. Tra cứu xác minh thông tin về tình trạng án tích; thông tin hành vi phạm tội mới; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã; thông tin về việc thi hành các nghĩa vụ dân sự của người được lập lý lịch tư pháp và thông tin liên quan đến người phạm tội

1. Trường hợp kết quả tra cứu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội tại cơ sở dữ liệu nghiệp vụ do Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an quản lý và cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia không có thông tin hoặc chưa đủ căn cứ để kết luận hoặc thông tin của người được lập lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội có điểm chưa rõ ràng, đầy đủ về tình trạng án tích, hành vi phạm tội, thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, thông tin về việc thi hành các nghĩa vụ dân sự, Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh gửi văn bản đến các đơn vị đầu mối quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này đề nghị tra cứu xác minh thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội.

2. Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh đề nghị tra cứu xác minh các thông tin, tài liệu có liên quan đến lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

3. Văn bản đề nghị (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) phải ghi rõ thông tin về người được lập lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội bao gồm: họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi đăng ký khai sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số căn cước công dân, định danh cá nhân hoặc hộ chiếu, họ tên cha, họ tên mẹ, họ tên vợ/chồng, thông tin về bản án, quyết định khởi tố bị

can, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can liên quan đến đương sự hoặc người phạm tội và các thông tin khác (nếu có).

4. Các đơn vị nơi nhận được đề nghị tra cứu xác minh thông tin thực hiện tra cứu hồ sơ, xác minh thông tin và thông báo kết quả cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu xác minh thông tin bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

Đối với trường hợp tra cứu xác minh thông tin về tình trạng án tích do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp thì Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi kết quả tra cứu, xác minh cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời từ cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Điều 14. Phối hợp rà soát cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội

1. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an phối hợp với Cục Thống kê tội phạm và Chuyển đổi số thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng; Cục Bảo vệ an ninh Quân đội; Tòa án quân sự Trung ương; Viện kiểm sát quân sự Trung ương thực hiện rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội đã cung cấp theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 13 Thông tư liên tịch này.

2. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh phối hợp với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, trại tạm giam, Cơ quan thi hành hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố nơi các cơ quan này có trụ sở để thực hiện rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội đã cung cấp theo quy định tại các điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 13 Thông tư liên tịch này.

3. Việc phối hợp rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội đã cung cấp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an có nhiệm vụ gửi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này văn bản đề nghị kèm theo thống kê thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội đã nhận được để phối hợp rà soát, đối chiếu;

b) Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ gửi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 2 Điều này văn bản đề nghị kèm theo

trích sao báo cáo thông kê thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội đã nhận được để phối hợp rà soát, đối chiếu;

c) Trường hợp số lượng thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội cung cấp chưa đầy đủ, Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh đề nghị các cơ quan có liên quan cung cấp thêm thông tin;

d) Các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có nhiệm vụ rà soát, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội mà cơ quan, đơn vị đó có nhiệm vụ cung cấp và thông báo cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị rà soát thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội.

Điều 15. Trao đổi, đính chính thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội đã cung cấp

1. Khi phát hiện có sai sót trong thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội đã cung cấp, các cơ quan có trách nhiệm phối hợp trao đổi, đính chính để đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của thông tin, tài liệu.

2. Cơ quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm chủ trì thực hiện việc đính chính; trường hợp cơ quan tiếp nhận phát hiện sai sót thì thông báo ngay để cơ quan cung cấp thực hiện việc đính chính.

3. Thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội sau khi được đính chính có giá trị sử dụng thay thế thông tin đã cung cấp trước đó và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đồng bộ với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Chương IV

**TẠO LẬP, CẬP NHẬT, KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

Điều 16. Tạo lập và cập nhật cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp; Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ có phát sinh thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội có trách nhiệm tạo lập, cập nhật ngay thông tin và số hóa tài liệu vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành do mình quản lý; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi thông tin, tài liệu được cập nhật, số hóa vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì phải đồng bộ với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp do Bộ Công an quản lý. Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật hoặc nguyên nhân khách quan khác, việc tạo lập, cập nhật và đồng bộ thông tin được thực hiện ngay sau khi khắc phục sự cố.

2. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu lý lịch tư pháp phải bảo đảm:

a) Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời nội dung thông tin;

- b) Tuân thủ khung kiến trúc, từ điển dữ liệu lý lịch tư pháp do Bộ Công an ban hành và sử dụng số định danh cá nhân làm khóa định danh;
- c) Bảo đảm khả năng kiểm tra, đối soát, truy vết nguồn gốc dữ liệu.

Điều 17. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Các cơ quan thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ việc tra cứu xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin theo Thông tư liên tịch này trên cơ sở nguyên tắc, cơ chế quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị (sau đây gọi chung là Nghị định số 278/2025/NĐ-CP).

2. Việc kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm:

- a) Thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật, cấu trúc, định dạng dữ liệu;
- b) Bảo đảm tính đồng bộ, toàn vẹn và độ tin cậy của dữ liệu;
- c) Không làm thay đổi, sai lệch nội dung thông tin tại cơ sở dữ liệu gốc;

d) Danh mục, phạm vi dữ liệu chia sẻ quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này được xác định theo yêu cầu nghiệp vụ và thẩm quyền của từng cơ quan, không phụ thuộc vào danh mục dữ liệu liệt kê tại Phụ lục của Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Dữ liệu được khai thác, chia sẻ thông qua kết nối cơ sở dữ liệu chỉ được sử dụng cho mục đích phục vụ quản lý nhà nước, hoạt động tổ tụng và công tác nghiệp vụ theo đúng thẩm quyền.

4. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Bộ Công an với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ điều phối dữ liệu hoặc các nền tảng kết nối, tích hợp khác theo quy định của pháp luật; phương thức kết nối thực hiện thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API).

5. Danh mục các trường thông tin do Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án quân sự Trung ương, Cục Quản lý Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp, Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an kết nối, chia sẻ được thực hiện theo các phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 18. Bảo đảm an ninh an toàn, bảo mật trong trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu có trách nhiệm:

- a) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm bảo đảm an ninh an toàn và bảo mật dữ liệu;
- b) Thực hiện phân quyền truy cập, xác thực người dùng theo thẩm quyền;
- c) Ghi nhận, lưu vết đầy đủ hoạt động tra cứu, khai thác, cung cấp dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

2. Cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; không cung cấp, tiết lộ, sử dụng thông tin trái quy định; không để lộ, lọt thông tin thuộc phạm vi bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Dữ liệu được trao đổi bằng phương thức điện tử theo Thông tư liên tịch này phải được ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử; dữ liệu được ký số hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương văn bản có chữ ký và con dấu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm, tổ chức thực hiện việc kết nối, chia sẻ

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham gia kết nối thống nhất tiêu chuẩn kỹ thuật, định dạng dữ liệu; phương thức kết nối, chia sẻ; lộ trình triển khai, cơ chế trao đổi dữ liệu trên môi trường điện tử theo các quy định về kết nối, chia sẻ hiện hành;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan xử lý sự cố, giải đáp vướng mắc trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trên môi trường điện tử;

c) Tổ chức kiểm tra, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phương tiện, thiết bị phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu; định kỳ đánh giá việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin hệ thống thiết bị, phương tiện điện tử.

2. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và các cơ quan, đơn vị tham gia kết nối, chia sẻ dữ liệu có trách nhiệm bố trí nhân lực, kinh phí, hạ tầng kỹ thuật để triển khai việc kết nối, trao đổi cơ sở dữ liệu theo quy định của Thông tư liên tịch này và pháp luật có liên quan.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và Thông tư liên tịch số 03/2023/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao quy định về phối hợp thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư liên tịch này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì những nội dung dẫn chiếu trong Thông tư liên tịch này sẽ được thay đổi, áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp; Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức báo cáo về Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng và Bộ Tư pháp để hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



NGUYỄN VĂN TIẾN

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**



NGUYỄN VĂN LONG

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



HỒ ĐỨC ANH

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**



NGUYỄN VĂN GẤU

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**



NGUYỄN THANH TỊNH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Công an;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Công TTĐT các Bộ, ngành: BCA, TANDTC, VKSNDTC, BQP, BTP;
- Lưu: VT (BCA, TANDTC, VKSNDTC, BQP, BTP).